



XUÂN

TRONG CÂU ĐỐI CỦA CÁC NHÀ NHO XỨ NGHỆ

■ Đào Tam Tĩnh

1. Lê Hữu Trác (1720-1791), còn có tên là Lê Hữu Huân, thường gọi Chiêu Bảy, biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông, quê làng Liêu Xá, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Ông đi lính lập công, sắp được thăng chức, thì xin về chăm mẹ già ở xã Tĩnh Diệm, nay thuộc xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông học làm thuốc ở Lam Thành, Hưng Nguyên, sau trở thành một đại danh y của Việt Nam, nổi tiếng với tác phẩm “Hải thượng Y tông tâm lĩnh” gồm 66 quyển. Chúa Trịnh (Trịnh Cán) vời ông ra Thăng Long chữa bệnh cho mình. Trên đường thượng Kinh ông đã sáng tác tập “Thượng Kinh ký sự” và khi ghé thăm đền Cờn ở xã Phương Càn, huyện Quỳnh Lưu có để lại đôi câu đối sau:

大宋基圖千古恨
南天宇宙四時春

Đại Tống cơ đồ thiên cổ hận
Nam thiên vũ trụ tứ thời xuân
Cơ đồ Đại Tống hận nghìn thuở
Vũ Trụ trời Nam xuân bốn mùa.

Đền Cờn thờ Tứ vị Thánh nương, là 4 mẹ con hoàng hậu nước Tống chạy giặc Nguyên, bị chìm thuyền trôi dạt vào cửa biển Phương Càn, sau được tôn thờ vì báo mộng giúp các triều vua Đại Việt đánh thắng quân Chiêm Thành.

2. Đinh Nhật Thận (1814-1866), có sách ghi là Viết Thận, tự Từ Quý, hiệu Bạch Mao Am, quê ở làng Thanh Liêu, nay thuộc xã Thanh Tiên, huyện Thanh

Chương, tỉnh Nghệ An. Ông đậu Tiến sĩ khoa Mậu Tuất - Minh Mạng 19 (1838), làm quan Tri phủ, bị cách chức, về quê mở trường dạy học, thường hay ngao du cùng bạn bè, sáng tác thơ văn. Ông kết bạn cùng Cao Bá Quát, nên bị triều đình hiềm nghi có dính dáng đến khởi nghĩa chống triều đình của họ Cao và bắt giam, quản thúc ở Huế. Do có tài, chữa được bệnh nan y cho mẹ Vua nên thoát được án tử hình và còn được lưu ở triều dạy chữ cho Thái tử. Ông là tác giả nổi tiếng của khúc “Thu dạ lữ hoài ngâm”, sáng tác lúc bị giam ở Huế.

言必肝脾道
心皆肺腑春

Ngôn tất can tì đạo
Tâm giai phế phủ xuân.
Lời gan ruột thành lời đạo
Lòng rộng mở nở lòng xuân.

Câu đối sử dụng tài tình tên các phủ tạng của con người mà y học phương Đông thường gọi, như thận, cật, gan, phổi - tạo ra nguồn sống tốt đẹp của con người. Người được tặng là một danh y nổi tiếng - Hoàng Nguyên Lễ, nguyên là Phó Ngự y triều Tự Đức, quê ở làng Vạn Lộc, nay thuộc phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò. Đôi câu đối hiện được treo ở nhà thờ họ Hoàng, làng Vạn

Lộc, nơi thờ Hoàng Nguyên Lễ.

3. Phạm Đình Toái (1818-1901), tự Thiểu Du, hiệu Song Quỳnh, người xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, đậu Cử nhân khoa Nhâm Dần - Thiệu Trị 2 (1842), làm quan đến Án sát Bình Định, Bô chánh, Hiệp lý thương trường, bị cách, phục chức Điện tịch, về hưu phong Hồng lô tự khanh. Ông bổ sung sửa chữa “Quốc sử diễn ca”. Tác phẩm: *Đường thi diễn ca, Trung Dung diễn ca, Quốc âm diễn ca...* Vua Thành Thái ban cho ông bức đại tự “Hiếu học hành thiện”. Ông được dân làng thờ làm phúc thần - Thành hoàng làng.

地從季酉開基矢
蔭字庚辰見效來

*Địa tông Quý Dậu khai cơ thi
Ám tự Canh Thìn kiến hiệu lai.*

Khai đất lập làng từ Quý Dậu
Đặt tên của xóm đến Canh Thìn.

Quá trình thành lập làng Đông Xuân, nơi sinh Phạm Đình Toái.

- Đền mừng thọ trong làng:

Làng đầu xuân, gặp tiết tân xuân, chơi xuân cho thỏa chí

Năm Tự Đức, nhớ ơn đại đức, cho đức mới tinh tài.

4. Phan Sĩ Thục (1822-1891), quê xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đậu Tiến sĩ khoa Kỷ Dậu - Tự Đức 2 (1849), làm quan trải các chức: Tri phủ Kiến Thụy, Tuyên phủ sứ, Quản đạo Phú Yên, Lang trung bộ Lại, Bô chính Quảng Ngãi, Tuân phủ Quảng Trị, Thị lang bộ Hình, bị biếm chức, về quê, phục dụng Đốc học Nghệ An. Ông từng làm Chánh sứ sang Thanh, là người có tài về văn chương.

Mừng thọ cụ Lão Xuyên (tức Tú tài Tôn Đức Tiên ở xã Võ Liệt, thầy dạy Phan Sĩ Thục) 70 tuổi:

銜枝多年瞻北斗
升堂界壽醉春風

*Hàm trượng đa niên chiêm Bắc Đẩu
Thăng đường giới thọ túy xuân phong.*

Nhiều năm chiêm rọi xem Bắc Đẩu
Nay lên tiên giới hưởng gió xuân.

5. Phan Bội Châu (1867-1940), trước tên là Phan Văn San, hiệu Sào Nam, sinh ngày 26/12/1867, quê làng Đan Nhiễm, nay thuộc xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cụ thân sinh là nhà nho Phan Văn Phổ,

thân mẫu là Nguyễn Thị Nhàn. Ông nổi tiếng “thần đồng”, lên 16 tuổi đỗ Đầu xứ, nên thường gọi là Đầu xứ San; 17 tuổi viết “Bình Tây thu Bắc”, hăm hở muốn tụ nghĩa, ra quân chống Pháp; đậu Giải nguyên thi Hương khoa Canh Tý - Thành Thái 12 (1900); năm 1904, lập hội Duy Tân, bầu Kỳ ngoại hầu Cường Để làm minh chủ, dùng thủ đoạn võ trang bạo động và nhờ ngoại viện để “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, lập ra Chính phủ độc lập”. Đầu năm 1905, Phan Bội Châu xuất dương sang Nhật, rồi phát động phong trào Đông Du sôi nổi (1905-1909). Hàng trăm thanh niên sang Nhật, qua Trung Quốc học tập kiến thức khoa học tiến bộ, trù tính việc đánh Tây, giành độc lập cho nước nhà. Tháng 10/1911, do ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi, Phan Bội Châu giải tán Duy Tân, thành lập Việt Nam Quang phục hội. Giữa năm 1924, cải tổ Việt Nam Quang phục hội thành Việt Nam Quốc dân Đảng. Ngày 30/6/1925, cụ Phan bị bắt cóc ở ga Bắc Thượng Hải đem về nước. Thực dân Pháp đưa cụ ra xử ở tòa Đền hình. Nhân dân cả nước dậy lên phong trào đấu tranh rầm rộ đòi Pháp phải trả tự do cho Phan Bội Châu. Thực dân Pháp buộc phải tha bổng cụ Phan, nhưng bắt quản thúc ở Huế cho đến khi mất.

Mừng vị quan về hưu:

Hai mươi một tuổi, đậu nhất cử thứ hai, lên làm quan, về làm thầy, đời công danh lừng lẫy

Sau mười hai xuân, hai vợ sáu đứa con, gái có chồng, trai có vợ, người thiên hạ hoàn toàn.

6. Đặng Thúc Hứa (1870-1931), tự là Ngô Sinh (em ruột Đặng Nguyên Cẩn), người làng Lương Điền, nay thuộc xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông đậu Tú tài nên gọi là Tú Hứa; tham gia



Thú chơi chữ, câu đối ngày Tết
là nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam

hoạt động cho Duy Tân hội và phong trào Đông Du; năm 1908, xuất dương sang Nhật. Khi Đông Du giải tán, ông về Trung Quốc, rồi sang Xiêm cùng đồng chí lập Trại Cây Bản Thâm, chuẩn bị cơ sở chống Pháp sau này. Ông tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, rồi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông mất ở Xiêm năm 1931.

Mừng một đám cưới ở Xiêm:

*Nặng tình non nước, nhẹ bước phong trần, trên
mười năm bể Sở sông Ngô, nhụy phấn màu son, gác
thổi gió trăng ngoài ý nghĩ*

*Vì nghĩa gia đình, trọng nền luân lý, cuộc trăm tuổi
tơ Tần chỉ Tấn, chôi Hồng mằm Lạc, xây thêm nòi
giống của giang sơn.*

- Chú thêm: Đám cưới của anh Trần Văn Đào và cô gái tên Hoàn là đám cưới đầu tiên của một cán bộ Việt Kiều hoạt động cách mạng ở Xiêm và do Bác Hồ tác thành. Trước kia, các nhà cách mạng tiền bối ở Xiêm và Tàu chủ trương không nghĩ tới chuyện lập gia đình. Từ khi Cụ Hồ ở Nga về Tàu rồi sang Xiêm, chủ trương anh em phải lấy vợ. Cụ bảo rằng cách mạng là sự nghiệp lâu dài, nên vừa làm cách mạng, vừa lập gia đình. Ở một địa phương, gọi là Sakhon-na-khon, nơi Cụ Hồ tá túc (cuối năm 1928) có một trường dạy chữ Việt cho con cái Việt kiều, anh Trần Văn Đào được chỉ định làm giáo viên và một cán bộ làm thầy thuốc Đông y để chăm sóc sức khỏe cho dân. Vùng này có một cô gái tên Hoàn đã đến tuổi cập kê, nhiều lần Cụ bảo: “*Hoàn muốn lấy chồng rồi đấy, một trong hai thầy đó, thầy nào xấn đi cho rồi*”. Nhân ông cố của Hoàn 80 tuổi hai thầy được chỉ định làm bài chúc thọ, tới câu:

*Kìa cháu gái chân mềm tay yếu, chữ thần hôn
luống để hững hờ*

*Nọ cháu trai tuổi trẻ đầu xanh, lời dạy bảo khôn in
tắc đờ.*

Cụ Hồ tươi cười rồi bảo: Câu của hai chú chưa hay, để tôi chữa lại thế này thì có lẽ hay hơn. Rồi cụ ứng khẩu đọc:

*Kìa cháu gái đã xuân xanh đôi tám, chữ xướng tùy
chưa biết định thầy mô (thầy học hay thầy thuốc).*

Độ vài tháng sau đó thì Trần Văn Đào chấp nhận lập gia đình với Hoàn. Hôm thành hôn, Cụ Hồ đóng vai trò chủ hôn, tới lúc vui nhộn, cử tọa đưa nhau làm thơ. Anh Bùi Trọng Kiên, người huyện Thanh

Chương, tập hai câu Kiều:

Cùng trong một mối tơ hồng

Kẻ ngoài cười nụ, kẻ trong đời chồng.

Cụ Hồ không được vừa lòng. Cụ bảo “Trong khi đang vui không nên gọi chuyện buồn”. Để thay đổi không khí, Cụ đọc tiếp hai câu lục bát:

Từ đây chung gối, chung chăn,

Buồng cách mạng có gió xuân thổi vào.

Đọc xong, Cụ Hồ nhìn sang cụ Đặng Thúc Hứa, nguyên lão cố vấn cách mạng ở Thái Lan, cùng có mặt trong tiệc cưới ấy, nói: “Bác thử làm một câu đối mừng đám tiệc cưới ấy đi”. Suy nghĩ một lúc rồi cụ Đặng Thúc Hứa đọc câu đối như trên[2].

7. Nguyễn Tất Minh (1890-1971), hiệu là Song Ngư, quê ở xã Hội Thống, nay thuộc xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Dạy học, làm thuốc, đi nhiều nơi ở Thanh - Nghệ - Tĩnh và có sáng tác thơ Nôm.

Câu đối của học trò viếng Song Ngư:

*Nhà trồng một gian, gió mát năm châu
lồng cửa sổ*

*Vườn thông bốn mặt, mưa xuân tám cõi
tươi rừng hoa[2].*

8. Nguyễn Cảnh Đâu (?-1937), quê Châu Lạc, xã Đoài, nay thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, chưa rõ năm sinh, thọ khoảng 45 tuổi. Sinh ra ở một gia đình Nho học, cha, bà, anh ruột đều làm nghề dạy học và bốc thuốc. Ông khi nhỏ tuổi được coi là thần đồng, học giỏi thông minh, sáng dạ kỳ lạ, nhưng đi thi lại không đậu, thường hay phạm quy và bị đánh trượt.

Ông có câu đối xuân rất hay, sáng tác năm 1911:

*Té té té, xuân đã đến rồi, bóng hồng nga
trước cửa, tiếng thiếu nữ ngoài sân, trắng
xuân mà gió cũng xuân, trồng đất Bắc biết
mây màu phong cảnh*

*Hả hả hả, nước đưa hay rửa, thơ bích chú
vài câu, rượu chung tình vài chén, ai sướng
mà ta cũng sướng, rạch trời Nam riêng một
thú thanh nhàn./.*

Tài liệu tham khảo:

1. Cảnh Nguyên, Nguyễn Thanh Hải, Đào Tam Tinh, *Câu đối xứ Nghệ*, T.1, Nghệ An, 2005.
2. “*Hồ Chí Minh giai sự*” được in trong “*Giai thoại ông Đồ*” của Vũ Ngọc Khánh - H., Thanh niên, 2002 (Trích lược từ truyện “*Tôi là thánh Phục Hy*” - Tr.581-585).
3. Võ Giáp “*Song Ngư nhà thơ dân dã*”, sách “*Người Nghi Xuân*” - H, VHTT, 2002).